TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST-HNGĐ	P, ngày 04 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đàm Thị L**, sinh năm 1979
Trú ở: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1976
Trú ở: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P. Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Do ông Bùi Ngọc K, chức vụ Giám đốc làm đại diện.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đàm Thị L và ông Nguyễn Ngọc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Bà Đàm Thị L và ông Nguyễn Ngọc D có hai con chung là Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 28/3/1999 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/4/2001. Bà Đàm Thị L và ông Nguyễn Ngọc D thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Thùy D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục (Theo nguyện vọng của cháu D là được ở với mẹ). Bà L không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Mạnh Q đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Bà Đàm Thị L và ông Nguyễn Ngọc D thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà Đàm Thị L, ông Nguyễn Ngọc D và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P thống nhất trả nợ vay trong thời kỳ hôn nhân như sau:

Ông Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện P số tiền 40.153.699đ (bốn mươi triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) (trong đó tiền gốc 40.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 25/12/2018 là 153.699đ), vay theo chương trình hộ cận nghèo, mã món vay: 6600000711966980 (đã được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P với hộ ông Nguyễn Ngọc D và bà Đàm Thị L). Về thời hạn trả nợ: Từ ngày 25/12/2018 đến ngày 08/3/2021, ông Nguyễn Ngọc D phải trả số tiền 40.153.699đ (bốn mươi triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) (theo như khế ước đã ký kết).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành 25/12/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- **Về án phí**: Bà Đàm Thị L tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí HNGĐ-ST. Bà L đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu: AA/2015 số: 0013211 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên. Do đó, hoàn lại cho bà L 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện chịu 1.003.000đ *(Một triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng)* án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Phú Hòa;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Sơn